ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do – Hạnh phúc
Số: 05/2018/QĐ-UBND	*An Giang, ngày 09 tháng 02 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh An Giang

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH AN GIANG
ĐẾN Số:
Ngày:
Chuyển: NS
Lưu hồ sơ:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được Quốc hội thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước được Quốc hội thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH;

Căn cứ Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị xử lý rủi ro tại NHCSXH;

Căn cứ Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính Phủ;

Căn cứ Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15/4/2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 161/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quy chế xử lý nợ rủi ro của NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính Phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 174/TTr-STC ngày 08 tháng 02 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (sau đây gọi tắt là NHCSXH) trên địa bàn tỉnh An Giang để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2018 và thay thế Quyết định số 39/2013/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ủy thác ngân sách tỉnh tại Ngân hàng chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh An Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Chi nhánh NHCSXH tỉnh An Giang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Website Chính phủ;
- Ngân hàng CSXH Việt Nam;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT: TU, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Sở: TC, LĐTBXH, KH-ĐT;
- Kho bạc nhà nước tỉnh;
- Ngân hàng CSXH tỉnh;
- UBND huyện, thị, thành;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo – Tin học;
- Website VPUBND tỉnh;
- Phòng: KGVX, TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh An Giang

(ban hành kèm theo Quyết định số 05 /2018/QĐ - UBND ngày 09 /02/2018 của UBND tỉnh An Giang)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh An Giang để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh An Giang, bao gồm:

a) Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Tài chính – Kế hoạch, Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội; Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện;

d) Các tổ chức, cá nhân vay vốn;

đ) Các tổ chức Chính trị - xã hội nhận ủy thác, các Sở, Ban, Ngành và các đơn vị, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác

1. Nguồn vốn ngân sách địa phương trích hàng năm (bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện tuỳ theo tình hình thực tế của từng địa phương và khả năng cân đối ngân sách) ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với ngân sách cấp tỉnh) Hội đồng nhân dân cấp huyện (đối với ngân sách cấp huyện) quyết định.

2. Nguồn vốn còn lại tại thời điểm giải thể của Quỹ giải quyết việc làm địa phương được tiếp tục thực hiện theo hình thức ủy thác vốn ngân sách địa phương thông qua NHCSXH trên địa bàn tỉnh An Giang để cho vay.

3. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác theo quy định.

Chương II
CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Cơ quan chuyên môn được UBND các cấp ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với NHCSXH các cấp

1. Cấp tỉnh: Sở Tài chính thực hiện ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh);

2. Cấp huyện: Phòng Tài chính – Kế hoạch thực hiện ký hợp đồng ủy thác với Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện).

Điều 4. Quy trình chuyển nguồn vốn uỷ thác

Hàng năm căn cứ mục tiêu về giảm nghèo, tạo việc làm, các Chương trình, Đề án cho vay các đối tượng chính sách được tỉnh phê duyệt và khả năng cân đối ngân sách; Sở Tài chính phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tham mưu UBND tỉnh (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh); Phòng Tài chính- Kế hoạch phối hợp với Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội, Phòng Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Chính sách xã hội huyện tham mưu UBND huyện (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện) quyết định bổ sung nguồn vốn uỷ thác qua NHCSXH để thực hiện; hình thức cấp phát bằng lệnh chi tiền; hạch toán chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 5. Đối tượng cho vay

Theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ và một số đối tượng chính sách khác tại địa phương do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định (nếu có).

Điều 6. Mục đích sử dụng vốn vay

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 7. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay (nếu có) do Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội xây dựng, đề xuất tham mưu UBND tỉnh quy định phù hợp với thực tế địa phương.

Điều 8. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Về thẩm quyền gia hạn nợ do NHCSXH các cấp xem xét, quyết định theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

2. Về thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ thực hiện theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

Điều 9. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

1. NHCSXH quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của NHCSXH và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

a) Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài Chính. Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện theo dư nợ cho vay bình quân. Mức phí quản lý tối thiểu bằng mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho NHCSXH trong từng thời kỳ. Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho NHCSXH theo quy định, ngân sách địa phương xem xét cấp bù phần còn thiếu cho NHCSXH nơi nhận ủy thác.

c) Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, các Sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Mức trích bằng 15% số tiền lãi thu được.

d) Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

2. Nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng quy định tại điểm a khoản này do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quy định theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập và một số nội dung, mức chi đặc thù phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Điều 10. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Người vay không trả được nợ do nguyên nhân khách quan theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002:

a) Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

Đối với một số trường hợp cho vay đặc thù của địa phương dẫn đến người vay bị rủi ro do nguyên nhân khách quan ngoài quy định tại Quyết định số

50/2010/QĐ-TTg; Thông tư số 161/2010/TT-BTC; trên cơ sở ý kiến đề xuất của NHCSXH cấp tỉnh (cấp huyện) phối hợp với Sở (phòng) Lao động - TB&XH, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính (Phòng tài chính- kế hoạch) và các đơn vị có liên quan xem xét, thẩm định thống nhất bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh (huyện) xem xét, quyết định đảm bảo theo quy định

b) Thẩm quyền và trách nhiệm xử lý nợ bị rủi ro:

Chủ tịch UBND cấp tỉnh (cấp huyện): Quyết định xóa nợ (gốc, lãi) cho khách hàng đối với trường hợp quy mô của đợt xóa nợ vượt quá Quỹ Dự phòng rủi ro hiện có. Sở Tài chính (Phòng Tài chính - kế hoạch) chủ trì phối hợp với Sở (Phòng) Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh thẩm định hồ sơ đề nghị xóa nợ, trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh (cấp huyện) xem xét, quyết định.

Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh (cấp huyện): Quyết định gia hạn nợ, khoanh nợ, xóa nợ cho khách hàng đối với trường hợp quy mô của đợt xóa nợ không vượt quá Quỹ Dự phòng rủi ro hiện có theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/07/2010.

c) Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được NHCSXH trích lập đối với cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương.

d) Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, NHCSXH cấp tỉnh, huyện đề xuất cơ quan Tài chính cấp tỉnh, cấp huyện chủ trì, phối hợp với cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, báo cáo UBND cấp tỉnh, huyện bổ sung ngân sách địa phương để xử lý hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương chuyển qua NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện.

đ) Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

e) Đối với Quỹ dự phòng rủi ro địa phương đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 73/2008/TT-BTC ngày 01/8/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng Quỹ giải quyết việc làm địa phương và kinh phí quản lý Quỹ quốc gia về việc làm được tiếp tục giao NHCSXH quản lý để xử lý rủi ro theo quy định (Trường hợp Quỹ quốc gia về việc làm địa phương giải thể).

g) Sau khi thực hiện xử lý nợ bị rủi ro theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, NHCSXH nơi cho vay lập báo cáo kết quả xử lý nợ bị rủi ro gửi NHCSXH tỉnh tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh chậm nhất 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định xử lý.

2. Những thiệt hại do nguyên nhân chủ quan của người vay, của tổ chức nhận ủy thác hoặc của cán bộ, viên chức NHCSXH cấp tỉnh (cấp huyện) gây ra thì các đối tượng này phải bồi hoàn và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 11. Chế độ báo cáo

1. Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh: Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi UBND cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn được giao ký hợp đồng ủy thác;

2. Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp huyện ủy thác qua Phòng giao dịch NHCSXH huyện: Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Phòng giao dịch NHCSXH huyện báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi UBND cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn được giao ký hợp đồng ủy thác.

Điều 12. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc NHCSXH.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Sở Tài chính (Phòng Tài chính - Kế hoạch) chủ trì, phối hợp với Sở (Phòng) Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, đề xuất với Uỷ ban nhân dân tỉnh (huyện):

- Căn cứ vào mục tiêu về giảm nghèo, tạo việc làm, khả năng cân đối từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách bố trí nguồn vốn từ ngân sách tỉnh (huyện) ủy thác cho NHCSXH, để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn.

- Kiểm tra tình hình sử dụng nguồn vốn uỷ thác của ngân sách tỉnh (huyện), tình hình thu lãi, phân phối và sử dụng lãi cho vay đối với nguồn vốn này tại NHCSXH tỉnh (huyện).

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng kế hoạch bố trí nguồn vốn ủy thác của ngân sách tỉnh tại NHCSXH tỉnh.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Xây dựng kế hoạch giảm nghèo toàn tỉnh hàng năm.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng kế hoạch nhu cầu nguồn vốn ủy thác của ngân sách tỉnh tại Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh.

4. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác:

- Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện uỷ thác cho vay.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng uỷ thác đã ký với NHCSXH.

5. Chi nhánh NHCSXH tỉnh An Giang và Phòng giao dịch NHCSXH các huyện, thị, thành phố:

- Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (huyện) có trách nhiệm quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ủy thác của ngân sách cấp tỉnh (cấp huyện); thực hiện việc bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật.

- Hàng năm tổng hợp nhu cầu cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác gửi cơ quan Tài chính, cơ quan Lao động – Thương binh và Xã hội cùng cấp để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân cấp huyện xem xét, bố trí vốn thực hiện.

- Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách tỉnh (huyện) chuyển sang NHCSXH theo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại Quy chế này.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định.

- Hướng dẫn người vay lập hồ sơ vay, thẩm định dự án.

- Lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Định kỳ hàng quý, 6 tháng, hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (huyện), Sở Tài chính (Phòng Tài chính – Kế hoạch), Sở (Phòng) Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư về kết quả quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh (huyện) uỷ thác chuyển qua NHCSXH.

- Cho vay đúng quy trình, thủ tục, chấp hành các quy định về mức vay, lãi suất, thời hạn vay, thực hiện giải ngân và thu hồi nợ.

- Tổ chức giám sát quá trình sử dụng vốn của khách hàng, đảm bảo vốn vay sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả và thu hồi được vốn và lãi cho vay.

6. Uỷ ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh:

- Chỉ đạo Phòng Giao dịch NHCSXH huyện cho vay đúng quy trình, thủ tục và tổ chức giám sát quá trình sử dụng vốn vay theo quy định.

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng, cơ quan thực hiện chương trình và Phòng Giao dịch NHCSXH huyện thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này.

7. Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn:

- Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này.

- Phối hợp với NHCSXH, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đôn đốc trả nợ, trả lãi; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

- Phối hợp với NHCSXH xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan; tham gia tổ đôn đốc thu hồi nợ khó đòi...

8. Trách nhiệm của người vay:

- Kê khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác các thông tin liên quan đến việc vay vốn.

- Sử dụng vốn vay đúng mục đích;

- Hoàn trả gốc, lãi đúng thỏa thuận theo quy định;

Điều 14. Những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tuỳ theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về NHCSXH, tổng hợp báo cáo Sở Tài chính, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình